

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/KDTM-ST
Ngày 31-3-2022
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Anh Dũng

Ông Trần Bá Luận

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Xông – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án kinh doanh, thương mại sơ thẩm thụ lý số 07/2021/TLST-KDTM ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: QHC.; địa chỉ: Phòng 14F, Tòa nhà 1, số 22 đường S, quận T, thành phố T, Trung Quốc.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông S, chức vụ: Tổng Giám đốc.

2. Bị đơn: Công ty TNHH S. Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đ, khu B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà L, chức danh: Giám đốc. Hộ khẩu thường trú: huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở tại: xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ tại: Khu Công nghiệp Đ, khu B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2018, quá trình giải quyết vụ án người đại

diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/4/2017, Công ty QHC (Đài Loan) và Công ty TNHH S (gọi tắt là Công ty S) ký kết hai Hợp đồng mua bán hàng hóa là thuốc bảo vệ thực vật số KE6-035A/04-17 giá trị hợp đồng là 56.750 USD và số KE6-035B/04-17 giá trị hợp đồng là 35.100USD.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty QHC đã giao hàng theo đúng thỏa thuận nhưng Công ty S chỉ thanh toán tiền mua hàng 31.100USD theo Hợp đồng KE6-035B/04-17, còn nợ lại 4.000USD. Đối với Hợp đồng số KE6-035A/04-17 thì Công ty S không thanh toán. Công ty S (do ông H là giám đốc, đại diện công ty trước bà L) có gửi Thư xác nhận thanh toán cho nguyên đơn xác nhận số nợ Hợp đồng số KE6-035A/04-17 với số tiền 56.750 USD, số hóa đơn 17HIC208 và nợ Hợp đồng số KE6-035B/04-17 số tiền 4.000 USD, số hóa đơn 17HIC212 và hẹn thanh toán trước ngày 15/12/2017 nhưng đến nay vẫn không thanh toán. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc của cả hai hợp đồng là 60.750 USD và tiền lãi chậm thanh toán cho đến thời điểm xét xử.

**** Người đại diện theo pháp luật của bị đơn (bà L) vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2022, Biên bản hòa giải ngày 04/01/2022 như sau:***

Bà L đã bị ngân hàng phát mãi tài sản là căn nhà 101/23/4 đường L, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, nên bà L không còn sinh sống ở địa chỉ này. Đề nghị Tòa án xác định địa chỉ liên hệ của bà L tại Công ty S - Lô A1, Khu Công nghiệp Đất Cuốc, khu B, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Bà L có ý kiến đối với Hợp đồng số KE6-035A/03-17 số nợ gốc 56.750 USD, đối với Hợp đồng số KE6-035B/03-17 số nợ gốc 4.000 USD. Tuy nhiên, công ty hiện nay quá khó khăn nên xin trả cả hai hợp đồng trên tổng cộng gốc là 300.000.000 đồng, xin không trả số lãi.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn yêu cầu thanh toán nợ gốc của cả hai hợp đồng là 60.750 USD và nợ lãi tính theo mức lãi suất quá hạn trung bình là 6%/năm, đối với Hợp đồng số KE6-035A/03-17 tính lãi từ ngày 09/8/2017 đến khi xét xử là 15.814 USD và đối với Hợp đồng số KE6-035B/03-17 tính lãi từ ngày 12/8/2017 đến khi xét xử là 1.113 USD. Tổng cộng nợ gốc lãi là 77.677 USD quy đổi ra tiền Việt (tính tỷ giá USD bằng 22.670 VNĐ) là 1.760.937.590 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý đơn kiện là đúng thẩm quyền.

- Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất khoản tiền nợ theo hợp đồng là tình tiết không phải chứng minh. Bị đơn chậm thanh toán nên phải trả lãi theo quy định nhưng nguyên đơn yêu cầu lãi suất thấp hơn quy định của Ngân hàng, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn nên được

chấp nhận. Căn cứ Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 25/11/2021, Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương có Công văn số 1263/ĐKKD cung cấp thông tin người đại diện theo pháp luật hiện nay của Công ty TNHH S là bà L, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 9/1A, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, chỗ ở tại: 101/23/4 đường L, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2022 thì bà L trình bày không còn địa chỉ nơi ở 101/23/4 đường L, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh và đề nghị Tòa án xác định địa chỉ liên hệ của bà L tại Công ty S. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng, giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ cho bà L ở địa chỉ công ty và cả địa chỉ thường trú, nơi ở nhưng bà L vẫn không tham gia phiên tòa. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn Công ty S theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn và bị đơn thống nhất việc xác lập hai Hợp đồng mua bán hàng hóa là thuốc bảo vệ thực vật số KE6-035A/04-17 và số KE6-035B/04-17 cùng ngày 13/4/2017. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là pháp nhân nước ngoài (Trung Quốc) và hợp đồng quy định điều kiện giao hàng từ cảng Trung Quốc đến cảng Thành phố Hồ Chí Minh, cảng hàng hải vận chuyển LCL CIF cơ bản HCM theo Incoterms 2010. Vì vậy, việc xác lập hai Hợp đồng mua bán số KE6-035A/04-17 và số KE6-035B/04-17 là hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế có hiệu lực theo quy định pháp luật buộc các bên phải thực hiện. Theo Công văn 749/KV1-ĐHHN ngày 23/02/2022 do Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn Khu vực 1 cung cấp thông tin bị đơn đã nhận hàng hóa theo Tờ khai hải quan số 101409227951/A11 ngày 18/5/2017 đối với Hợp đồng KE6-035A/04-17. Theo Công văn 1082/KV1-ĐHHN ngày 17/3/2022 do Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn Khu vực 1 cung cấp bị đơn đã nhận hàng hóa theo Tờ khai hải quan số 101415133041/A11 ngày 22/5/2017 đối với Hợp đồng KE6-035B/04-17. Vì vậy, Công ty S đã nhận đủ hàng hóa nhưng chỉ thanh toán 31.100 USD theo Hợp đồng KE6-035B/04-17, số tiền còn lại 60.750 USD không thanh toán cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại các Điều 50, 55 Luật thương mại.

[3] Nguyên đơn xuất trình được Thư xác nhận thanh toán của Công ty S (do ông H là giám đốc, đại diện công ty trước bà L) nội dung xác nhận số nợ của Hợp đồng số KE6-035A/04-17 với số tiền 56.750 USD số hóa đơn là 17HIC208; nợ Hợp đồng số KE6-035B/04-17 số tiền 4.000USD số hóa đơn là 17HIC212 và hẹn thanh toán trước ngày 15/12/2017 nhưng bị đơn không thanh toán đúng cam kết. Nay, đại diện bị đơn bà L giám đốc Công ty S đề nghị thanh toán cả hai hợp đồng trên tổng cộng gốc là 300.000.000 đồng, xin không trả số lãi nhưng không

được nguyên đơn chấp nhận nên có nghĩa vụ thanh toán ngay số nợ gốc 60.750 USD (tương đương 1.377.202.500 đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định.

[4] Theo thông báo lãi suất cho vay USD do ba ngân hàng cung cấp cho Tòa án như sau: Ngân hàng BIDV chi nhánh Bình Dương thông báo lãi suất cho vay USD là 4%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi cho vay trong hạn là 6%/năm; của Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam là 5%/năm, lãi quá hạn là 7,5%/năm và của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Bình Dương là 4,2%/năm, lãi quá hạn là 6,3%/năm. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu tính nợ lãi quá hạn của cả hai hợp đồng với mức lãi suất 6%/năm với số tiền 16.927 USD (tương đương 383.735.090 đồng) là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại và hướng dẫn tại Án lệ số 09/2016/AL, Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP. Tổng cộng nợ gốc và lãi nguyên đơn yêu cầu là 77.667 USD, với tỷ giá tại thời điểm xét xử là 22.670 VND/01USD (thấp hơn tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ do Ngân hàng nhà nước công bố ngày 31/3/2022 là 23.100VND), quy đổi thành 1.760.937.590 đồng. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp quy định pháp luật, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những cơ sở nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 37, 38, 147, 227, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 24; 50; khoản 1 Điều 55; Điều 306 và Điều 319 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn QHC về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty TNHH S.O.C.

Buộc Công ty TNHH S.O.C có trách nhiệm thanh toán cho QHC số nợ trong hai Hợp đồng mua bán số KE6-035A/04-17 và số KE6-035B/04-17 với số tiền gốc là 1.377.202.500 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 383.735.090 đồng, tổng cộng là 1.760.937.590 (một tỷ bảy trăm sáu mươi triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm chín mươi) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

2. Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH S.O.C phải chịu 64.828.128 (sáu mươi bốn triệu tám trăm hai mươi tám nghìn một trăm hai mươi tám) đồng.

Nguyên đơn QHC không phải chịu án phí, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương hoàn trả cho QHC số tiền tạm ứng án phí đã nộp 29.000.000 (hai mươi chín triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số 0026761 ngày 12/6/2018.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án sơ thẩm hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa KT, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Trí Dũng